

Bản án số: **585/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/11/2022

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, THÀNH PHỐ HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Diệu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu**

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 470/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé L – sinh năm 1991. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, khu TX, thị trấn XM, huyện CM, thành phố HN (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ Lê T – sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, khu TX, thị trấn XM, huyện CM, thành phố HN. Hiện đang thi hành án tại Trại giam suối 2 – huyện BV (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đỗ Lê T có tình cảm và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020 tại UBND thị trấn XM, huyện CM, HN. Chị L cho biết trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có cãi vã và đồng thời anh chị cũng ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, do anh T đang thi hành án tại Trại Giám SH – huyện BV nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau được dẫn đến tình cảm rạn nứt. Vợ chồng mỗi người một suy nghĩ, một quan điểm sống khác nhau dẫn đến không có tiếng nói chung. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa cho tôi được ly hôn với anh T để tôi ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi con

Về con chung: Chị L xác nhận chị và anh T có 01 con chung là cháu Đỗ Lâm M, sinh ngày 21/5/2019. Hiện cháu M đang sống cùng với chị L ở nhà ông bà ngoại tại Thôn ĐT, xã PN, huyện CM. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Đỗ Lê T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Bé L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/02/2020 tại UBND thị trấn XM, huyện CM, HN. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng từ khi sinh con năm 2019 đến nay vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, từ ngày anh T đi thi hành án chị L chưa đến thăm nom lần nào, vợ chồng cũng ly thân từ năm 2021 cho đến nay, do vậy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị L có đơn xin ly hôn anh T nhất trí

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị L có 01 con chung là Đỗ Lâm M, sinh ngày 21/5/2019. Hiện con đang sống cùng chị L, hiện anh T đang thi hành án do vậy anh nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho chị L.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến khác của đương sự: Chị Nguyễn Thị Bé L và anh Đỗ Lê T có đơn đề xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án và vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị Bé L được ly hôn anh Đỗ Lê T. Về con chung: Giao 01 con chung là Đỗ Lâm M, sinh ngày 21/5/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác; Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu nên không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Lê T cư trú tại thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Bé L, anh Đỗ Lê T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé L kết hôn với anh Đỗ Lê T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày ngày 19/02/2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn XM, huyện CM, thành phố HN nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị L, anh T và kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống giữa chị L, anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh vợ chồng không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc, Năm 2021 anh T vi phạm pháp luật nên vợ chồng sống xa nhau thời gian ly thân kéo dài dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ trước khi anh T đi thi hành án cho đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của chị L thì anh T đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị L, anh T xác nhận có 01 con chung là Đỗ Lâm M, sinh ngày 21/5/2019. Hiện con chung đang sống cùng chị L, xét con chung còn nhỏ lại là con gái cùng với đó anh T đang thi hành án nên không tiện chăm sóc cho con chung. Do vậy giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé L được ly hôn anh Đỗ Lê T.
2. Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Đỗ Lâm M, sinh ngày 21/5/2019. Giao 01 con chung cho chị Nguyễn Thị Bé L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi có thay đổi khác
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076240 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, Tp. HN.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé L, Anh Đỗ Lê T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- *Đương sự;*
- *TAND Tp. HN;*
- *VKSND huyện CM;*
- *Chi cục THADS huyện CM;*
- *UBND thị trấn XM, huyện CM, Tp. HN*
(Trường hợp án có HLPL);
- *Lưu HSVA – VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng

